

Số: 19 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt Nam IRITANI – Chi nhánh Hải Dương ngày 28/11/2024 v/v đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở “Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Nhà máy Hải Dương”; Văn bản số 26/CV-CT ngày 25/12/2024 v/v chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở “Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Nhà máy Hải Dương” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-TNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương địa chỉ tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Nhà máy Hải Dương” tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Nhà máy Hải Dương

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0101834530-001 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp,

đăng ký lần đầu ngày 11/9/2020. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9980935657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/8/2020.

1.4. Mã số thuế: 0101834530-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, lắp ráp, gia công các linh kiện kim loại và khuôn cho các ngành công nghiệp

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công và thuộc mục II.2, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Diện tích đất sử dụng: 7.470 m² (*thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê*).

+ Sản xuất, lắp ráp, gia công các linh kiện kim loại và khuôn cho các ngành công nghiệp: 34.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.500 tấn/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày 24/8/2025.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- UBND thị trấn Lai Cách;
- Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương;
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hiền Lê;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê, Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương sử dụng 03 nhà vệ sinh của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê. Nước thải từ 03 nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE kích thước DN250, chiều dài 300m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê (sử dụng riêng cho các đơn vị thuê nhà xưởng), nước thải sau khi xử lý đạt mức A của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát vào đường ống thoát nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải 70 m³/ngày đêm, sau đó đầu nối vào đường thoát nước sau xử lý của HTXLNT 20m³/ngày đêm, thoát ra hồ dự trữ nước tưới tiêu cho thôn Trụ và thôn Trầm, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng

- Nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 2m³ được thu gom vào đường ống nhựa HDPE kích thước DN250, chiều dài 65m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải nhà ăn xử lý qua bể tách mỡ, sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải có quy mô công suất 25 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê, xử lý đạt mức A của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

- Thông số kỹ thuật

+ Bể tự hoại: 02 bể, tổng thể tích 20m³.

- + Bể tách mỡ: 01 bể, thể tích 2m³
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ chất bẩn.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng khu vực thu gom và hệ thống thoát nước. Định kỳ hút bùn thải, tránh tồn đọng quá lâu ảnh hưởng đến hiệu quả thoát nước và phát sinh mùi hôi khó chịu. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Các biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra:

+ Lập tức kiểm tra nguyên nhân gây sự cố.

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận hư hỏng. Trong trường hợp sự cố vỡ đường ống phải ngưng hoạt động làm phát sinh nước thải để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào tương ứng của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hiền Lê.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Công ty TNHH Việt Nam IRITANI - Chi nhánh Hải Dương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và xử lý bùn bể tự hoại.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy đột dập
- Nguồn số 02: Khu vực gia công cơ khí
- Nguồn số 03: Khu vực máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- + Nguồn số 01: X(m) = 2316566; Y(m) = 580811
- + Nguồn số 02: X(m) = 2316539; Y(m) = 580797
- + Nguồn số 03: X(m) = 2316608; Y(m) = 580797

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT); độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
			6h-21h	21h-6h		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Sử dụng tấm cách âm tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn; lắp bệ máy riêng cho mỗi loại máy; lắp các bộ tắt chấn động lực, dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung...
- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn mà Công ty đã đặt ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải rắn nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Lỏng	6000	18 02 01
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	6000	18 01 02
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	624	18 01 03
4	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công tạo hình thép	Lỏng	7200	07 03 05
5	Dầu hộp số, bôi trơn tổng hợp thép	Lỏng	60	17 02 03
6	Dầu thủy lực tổng hợp thép	Lỏng	60	17 01 06
7	Nhũ tương và dung dịch thép không có hợp chất Halogen hữu cơ	Lỏng	840	07 03 04
8	Phoi kim loại dính dầu	Rắn	600	07 03 11
9	Bóng đèn huỳnh quang thép	Rắn	40	16 01 06
10	Pin, ắc quy thép	Rắn	40	19 06 01
11	Bút dính mực các loại	Rắn	36	16 01 09
12	Vật thể, vật liệu mài có chứa thành phần nguy hại	Rắn	20	070310
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thép hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thép (bóng đèn led, tắc te, lưu điện...)	Rắn	30	16 01 13

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTTT
1	Bavia kim loại	Rắn	100.000	10 02 10
2	Giấy vụn, bìa carton	Rắn	3000	12 08 03
3	Bao bì nhựa, nilon	Rắn	15.000	18 01 06
4	Palet gỗ, vật liệu thải khác	Rắn	35.000	-
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bể tự hoại, hố ga thoát nước mưa	Rắn	1200	12 06 12

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 34,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15m², kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, có biển báo CTNH theo quy định, bên trong chứa các thùng có nắp đậy, dán nhãn CTNH đối với từng loại. Trang bị các thùng chứa trong để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật

- Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường của Dự án diện tích 15m², nằm bên trong nhà xưởng, kê vạch ngăn cách, bố trí các thùng, khoang chứa các loại chất thải công nghiệp thông thường.

Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Đối với chất thải tái chế được thu gom bán tái chế cho đơn vị có chức năng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Đặt các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt, số lượng 6 thùng, dung tích từ 25 - 120 lít/thùng, 2 thùng nhựa

HDPE loại 660 lít/thùng, có nắp đậy để lưu chứa chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Yêu cầu lắp đặt bổ sung các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong xưởng sản xuất theo đúng cam kết của Cơ sở.
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.
8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.